

Số: 45/2019/QĐ-PT

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO
ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Bà Lê Thúy Cầu
Ông Nguyễn Tấn Long

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên họp:
Ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 17/2018/QĐST-HC ngày 28 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã căn cứ vào khoản 5 Điều 38, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143 và Điều 144 của Luật Tổ tụng hành chính, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc “*Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa:

1. Người khởi kiện: Bà A, sinh năm 1963

Địa chỉ cư trú: Tổ 1, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố Q.

Địa chỉ: Số 48 Đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 119 Đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Ông B; 3.3. Ông B1; 3.4. Bà B2; 3.5. Bà B3; 3.6. Ông B4; 3.7. Ông B5;
3.8. Ông B6; 3.9. Bà B7; 3.10. Ông B8; 3.11. Bà B9.

Cùng địa chỉ: Số 197 Đường Q1, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B, ông B1, bà B2, bà B3, ông B4, ông B5, bà B7, ông B8, bà B9): Ông B6 (Văn bản ủy quyền vào các ngày 02/10/2018, 03/10/2018, 04/10/2018 và ngày 05/10/2018).

3.12. Bà C; địa chỉ: số 191 Đường Q1, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.13. Ông D; 3.14. Ông D1; 3.15. Ông D2; 3.16. Ông D3; 3.17. Bà D4; 3.18. Bà D5; 3.19. Bà D6; 3.20. Ông D7.

Cùng địa chỉ: Số 24/6 đường số 06, khu phố 6, phường Đ, quận Th, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của những người này (Bà C, ông D, ông D1, ông D2, ông D3, bà D4, bà D5, bà D6, ông D7): Bà A (Được ủy quyền theo Văn bản ủy quyền ngày 19/7/2018 và ngày 01/10/2018).

Tại đơn kháng cáo đề ngày 13 tháng 12 năm 2018, người khởi kiện là bà A kháng cáo yêu cầu: Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 17/2018/QĐST-HC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, buộc Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tiếp tục giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 40/2018/TLST-HC ngày 11 tháng 7 năm 2018 về việc “Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Lý do kháng cáo: Bà A cho rằng yêu cầu khởi kiện của bà về việc: “*Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thành phố Q cấp cho hộ ông B vào ngày 07/8/2015*” và “*Hủy bỏ phần thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - Văn bản thỏa thuận phân chia di sản và tặng cho quyền sử dụng đất cho ông B6, sinh năm 1972, CMND 211384229 phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo hồ sơ số 051949. TA.001- do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh thành phố Q xác nhận ngày 21/12/2016*” là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án, cho rằng hết thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính để ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng pháp luật.

XÉT THẤY:

[1] Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2018; các Đơn sửa đổi, bổ sung Đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2018, ngày 05/6/2018, ngày 24/6/2018, ngày 26/6/2018 và lời trình bày trong quá trình tố tụng tại Tòa án thì diễn biến nội dung sự việc bà A khiếu kiện như sau:

Cha mẹ bà A là cụ E (đã chết) và cụ C (còn sống) có nhận chuyển nhượng một thửa đất thổ cư của ông F vào năm 1977 (thửa đất số 232, tờ bản đồ số 02 lập năm 1985 theo Chỉ thị số 229/TTg tại phường L, thành phố Q có diện tích 1.141 m²), thửa đất này liền kề với số nhà 191 đường Q1, thành phố Q. Ngày 07/8/2015, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất cho ông B tại nhà số 197 đường Q1 đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 11 lập năm 2000, có diện tích 54,5 m² chồng lấn lên thửa đất số 232 của cha mẹ bà (diện tích chồng lấn 12 m²). Do đó, bà A đã làm nhiều đơn gửi các cơ quan Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, cụ thể:

- Ngày 09/10/2016 bà A làm “Đơn trình báo tố cáo” gửi: Bí thư Tỉnh ủy, Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng nhân dân và Chủ tịch UBND thành phố Q về việc Phó Chủ tịch UBND thành phố Q đã lợi dụng chức vụ quyền hạn, vi phạm Điều 174 của Bộ luật Hình sự, lấy đất của ông E

cấp GCNQSD đất số CB 108486 ngày 07/8/2015 cho hộ ông B;

- Ngày 10/10/2016, bà A làm “Đơn trình báo” gửi Bí thư phường, Hội đồng nhân dân, Chủ tịch UBND phường L yêu cầu “ngăn chặn, dừng bán nhà, phân chia tài sản của hộ ông B... vì có chiếm dụng đất trên thửa đất số 91, tờ bản đồ số 11 của ông E diện tích 54,5 m²”;

- Ngày 14/10/2016, bà A làm “Đơn đề nghị” yêu cầu Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Q ngăn chặn việc mua bán, chuyển nhượng đất trái phép của hộ ông B;

- Ngày 23/10/2016, bà A làm “Đơn trình báo - Tố cáo” gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và lãnh đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Q về việc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Q không tiếp nhận đơn của công dân;

- Ngày 24/10/2016, bà A làm “Đơn trình báo tố cáo” gửi Bí thư Tỉnh ủy, Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi về việc Phó Chủ tịch UBND thành phố Q lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vi phạm Điều 174 của Bộ luật Hình sự cấp GCNQSD đất trái quy định trong lĩnh vực quản lý đất đai;

- Ngày 30/12/2016, bà A làm “Đơn đề nghị” gửi Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng tỉnh và Trưởng ban pháp chế tỉnh Quảng Ngãi về việc ông B đã chiếm và sử dụng đất trái phép. Cùng ngày 30/12/2016, bà A làm “Đơn tố cáo” gửi Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Giám đốc Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Trưởng Công an thành phố Q về việc bà Y, Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố Q ngày 21/12/2016 ký sang tên ông B cho ông B6 và ký xác nhận văn bản thỏa thuận phân chia di sản và tặng cho quyền sử dụng đất cho ông B6;

- Ngày 29/8/2017, bà A làm “Đơn đề nghị” gửi Chủ tịch UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi và Chủ tịch UBND phường L về việc dừng cấp đổi, cấp mới GCNQSD đất cho 4 hộ: PL, B, PT, VN. Cùng ngày 29/8/2017, bà A làm “Đơn đề nghị” gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện chỉ đạo tại Công văn số 5961/UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;

- Ngày 09/9/2017, bà A làm “Đơn tố cáo khẩn” gửi Bộ Chính trị, Tổng Bí thư, Ban Nội chính Trung ương, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Quảng Ngãi về việc Chánh Văn phòng Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Quảng Ngãi trả lời phiếu báo số 66/GB-UBKTTU không thuộc thẩm quyền xử lý Phó Chủ tịch UBND thành phố Q.

- Ngày 22/11/2017, bà A làm “Đơn khiếu nại” gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Phó Chánh văn phòng đã ký thông báo không giải quyết đơn tố cáo số 364/TB-

UBND ngày 15/11/2017 và Thanh tra tỉnh cùng UBND tỉnh xác nhận Phó Chủ tịch UBND thành phố Q ký GCNQSD đất cho hộ ông B là đúng pháp luật;

- Ngày 10/01/2018, bà A tiếp tục làm “Đơn khiếu nại” gửi Chủ tịch UBND thành phố, Đội Trật tự đô thị thành phố Q, Chủ tịch UBND phường và Đội Trật tự đô thị phường L về việc đề nghị kiểm tra, xử lý ông B6 tháo dỡ, dọn phần coi nơi phía sau nhà ông B;

- Ngày 02/5/2018, bà A làm “Đơn khiếu nại khẩn cấp” đề nghị Chủ tịch UBND thành phố Q ban hành quyết định hủy GCNQSD đất đã cấp ngày 07/8/2015 cho hộ ông B. Cùng ngày 02/5/2018, bà A làm “Đơn trình báo tố cáo” gửi Bộ trưởng Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh và Trưởng Công an thành phố Q về việc ông B6 xây dựng trái phép trên thửa đất số 232. tờ bản đồ số 2 của ông E.

Sau khi nhận các đơn nêu trên, hầu hết các cơ quan Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến địa phương đều có văn bản chuyển đơn của bà A đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ngày 13/12/2016, UBND thành phố Q đã ban hành Công văn số 5466/UBND “Về việc trả lời nội dung đơn của bà A” với nội dung: “UBND thành phố Q nhận được đơn đề ngày 09/10/2016 của bà A... (Đơn có tiêu đề là tố cáo nhưng bản chất là đề nghị kiểm tra lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CB 108468, sổ vào sổ CH 03796 mà UBND thành phố Q đã cấp cho hộ ông B ngày 09/12/2015). Trên cơ sở nội dung Báo cáo số 541/BC-TNMT ngày 09/12/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố đã trả lời: ...GCNQSD đất của UBND thành phố Q đã cấp cho hộ ông B ngày 07/8/2015 là bảo đảm quy định pháp luật”.

- Sau khi nhận Công văn số 5466/UBND nêu trên, bà A tiếp tục làm đơn “Trình báo tố cáo” đề ngày 30/12/2016. Ngày 08/3/2017, UBND thành phố Q có Công văn số 1036/UBND “Về việc trả lời đơn của bà A” với nội dung: “UBND thành phố trả lời lần cuối cùng cho bà A được rõ: Việc UBND thành phố xem xét và trả lời đơn cho Bà tại Công văn số 5466/UBND ngày 13/12/2016 là bảo đảm quy định pháp luật. Từ nay, UBND thành phố sẽ không tiếp nhận, xử lý đơn của Bà liên quan đến nội dung đã nêu trên”.

Sau khi nhận các Công văn trả lời của UBND thành phố Q nêu trên, ngày 06/5/2018 bà A khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy GCNQSD đất của UBND thành phố Q cấp cho hộ ông B vào ngày 07/8/2015 và hủy bỏ phần thay đổi tại mục 4 GCNQSD đất của hộ ông B cho ông B6.

[2] Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, tại Biên bản làm việc ngày 25/10/2018 bà A trình bày:

“Sau khi tôi biết người em ruột của tôi là chị D5 (là vợ của B1) được nhận số tiền 200.000.000 đồng từ việc chia bán nhà do ông B bán cho ông B6 vào tháng 9 năm 2016. Ngày 01/9/2016 bà biết việc UBND thành phố Q cấp GCNQSD đất cho ông TVN. Vào ngày 22/12/2016 bà biết ông B chuyển nhượng sang tên GCNQSD đất cho ông B6.

Sau khi bà biết việc UBND thành phố Q cấp GCNQSD đất cho hộ ông B vào

ngày 01/9/2016 thì bà chưa có khởi kiện ra Tòa án. Mà bà đi khiếu nại đến UBND thành phố về việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông B. Sau đó tôi đã nhận được văn bản trả lời của UBND thành phố Q tại hai văn bản số 5466/UBND ngày 13/12/2016 và văn bản số 1036/UBND ngày 08/3/2017. Sau khi nhận văn bản số 5466 và văn bản số 1036 của UBND thành phố thì bà không đồng ý hai văn bản trên vì bà cho rằng Chủ tịch UBND thành phố không ra quyết định để giải quyết khiếu nại cho bà...

Sau khi nhận hai văn bản trả lời của UBND thành phố Q, bà đã làm đơn tố cáo bà Y - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi về việc sang tên từ ông B cho ông B6 gửi đến Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh và Trưởng Công an thành phố Q. Tuy nhiên chưa được cơ quan Công an giải quyết.

Sau đó bà tiếp tục gửi đơn tố cáo gửi đến Ủy ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Ban nội chính tỉnh Quảng Ngãi và nhận được văn bản chỉ đạo của Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy chỉ đạo bà khởi kiện ra Tòa án.

Nên vào ngày 08/5/2018 bà khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc yêu cầu hủy GCNQSD đất do UBND thành phố Q cấp cho hộ ông B. Vào ngày 08/10/2018 bà có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy bỏ phần thay đổi sau khi cấp GCNQSD đất từ hộ ông B sang tên cho ông B6”.

[3] Tại phiên họp, bà A xác định toàn bộ nội dung diễn biến sự việc khiếu kiện như trên là đúng sự thật. Đồng thời, bà A trình bày việc bà biết việc UBND thành phố Q cấp GCNQSD đất cho ông TVN là do bà D5 (vợ của ông B1) được nhận số tiền 200.000.000 đồng từ việc chia bán nhà do ông B bán cho ông B6 vào tháng 9 năm 2016, còn bà không trực tiếp được nhìn thấy GCNQSD đất của ông TVN; bà A không nhớ chính xác ngày nhận các Công văn 5466/UBND ngày 13/12/2016 và Công văn số 1036/UBND ngày 08/3/2017 của UBND thành phố Q, nhưng bà khẳng định nhận được các Công văn này ngay sau ngày UBND thành phố Q ban hành. Ngoài ra, bà A không có ý kiến gì khác.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Tại Điều 116 và Điều 143 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, thời hiệu khởi kiện và đình chỉ giải quyết vụ án hành chính được quy định như sau:

“Điều 116. Thời hiệu khởi kiện

1. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.

2. Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau:

a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính;...

3. Trường hợp đương sự khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thời hiệu khởi kiện được quy định như sau:

a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;...”.

“Điều 143. Đình chỉ giải quyết vụ án

1. Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trong các trường hợp sau đây:

... g) Thời hiệu khởi kiện đã hết;...”

[4.2] Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu do các đương sự cung cấp; lời trình bày của bà A tại Biên bản làm việc ngày 25/10/2018 và tại phiên họp; quy định của pháp luật tổ tụng hành chính nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi bà A biết việc UBND thành phố Q cấp GCNQSD đất số CH 03796 ngày 07/8/2015 cho hộ ông B. Ngày 09/10/2016, bà A làm “Đơn trình báo tố cáo” gửi Chủ tịch UBND thành phố Q. Ngày 13/12/2016, UBND thành phố Q đã ban hành Công văn số 5466/UBND “Về việc trả lời nội dung đơn của bà A”. Ngày 30/12/2016, bà A tiếp tục làm đơn “Trình báo tố cáo”. Ngày **08/3/2017**, UBND thành phố Q có Công văn số 1036/UBND “Về việc trả lời đơn của bà A”. Theo nội dung hai Công văn này, UBND thành phố Q đã xác định: “*đơn có tiêu đề là tố cáo nhưng bản chất là đề nghị kiểm tra lại GCNQSD đất đã cấp cho hộ ông B vào ngày 07/8/2015*”, do đó đã giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác minh sự việc; và trên cơ sở báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Q đã ban hành Công văn trả lời đơn của bà A. Như vậy, mặc dù UBND thành phố Q không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật, nhưng đã ban hành Công văn số 5466/UBND và Công văn số 1036/UBND trả lời nội dung đơn của bà A nên được xem là UBND thành phố Q đã giải quyết khiếu nại của bà A. Căn cứ vào Điều 33 của Luật Khiếu nại và điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính, thì tính từ ngày UBND thành phố Q ban hành văn bản trả lời đơn lần cuối cùng (Công văn số 1306/UBND ngày **08/3/2017**) đến ngày bà A làm đơn khởi kiện vụ án hành chính lần đầu tiên (ngày **06/5/2018**) là **01 năm 01 tháng 28 ngày**. Trong thời gian này, bà A không chứng minh được đã gặp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan làm cho bà không khởi kiện được trong thời hạn 01 năm theo quy định tại khoản 4 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[4.3] Xét nội dung kháng cáo của bà A cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã làm sai lệch hồ sơ vụ án thì thấy: Tại Biên bản làm việc ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có ghi ngày thụ lý vụ án là ngày **21/7/2018**, trong khi vụ án này được thụ lý ngày **11/7/2018**. Hội đồng xét thấy, **Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định ngày 08/5/2018 (là ngày Tòa án nhận được đơn khởi kiện lần đầu tiên của bà) để tính thời hiệu khởi kiện mà không lấy ngày 21/7/2018 như bà trình bày**; do đó, có căn cứ xác định tại Biên bản nêu trên ghi ngày **21/7/2018** là có sự nhầm lẫn trong soạn thảo văn bản nhưng không làm ảnh hưởng đến việc xác định thời hiệu, nên việc bà A cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án là không có cơ sở.

[5] Trên cơ sở các nội dung phân tích nêu trên và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu tại phiên họp, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày 01/9/2016 bà A biết việc UBND thành phố Q cấp GCNQSD đất cho hộ ông B để tính thời hiệu khởi kiện là chưa chính xác; tuy nhiên, theo kết luận tại mục [4.2] nêu trên thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày UBND thành phố Q ban hành

văn bản trả lời đơn lần cuối cùng (Công văn số 1306/UBND ngày **08/3/2017**) đến ngày bà A làm đơn khởi kiện vụ án hành chính lần đầu tiên (ngày **06/5/2018**) là **01 năm 01 tháng 28 ngày**. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 và điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật Tổ tụng hành chính. Kháng cáo của bà A không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với một số tài liệu có chứng thực bản sao của Văn phòng Công chứng N ngày 22/4/2019 do bà A cung cấp tại phiên họp gồm có: 01 bản sao Công văn số 14/VP-ĐKQSDĐ ngày 14/01/2011 của Văn phòng ĐKQSDĐ thuộc Phòng TN&MT thành phố Q; 01 bản sao Lược đồ trích sao lục bản đồ địa chính thửa đất số 207, tờ bản đồ số 02, đo vẽ năm 1983; 01 bản sao Lược đồ trích sao lục bản đồ địa chính thửa đất số 91, tờ bản đồ số 11, đo vẽ năm 2000; 01 bản sao Trích lục bản đồ thửa đất số 651, 563, tờ bản đồ số 2... lập năm 1983 và 01 bản sao Trích lục bản đồ thửa đất số 6, 8, tờ bản đồ số 4... lập năm 1968. Xét thấy các tài liệu này không có căn cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà A; bà A được quyền liên hệ với Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để được nhận lại nếu có nhu cầu sử dụng.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên bà A phải chịu án phí phúc thẩm.

Căn cứ vào Điều 243 của Luật Tổ tụng hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 17/2018/QĐST-HC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Án phí hành chính phúc thẩm: Bà A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004249 ngày 25 tháng 12 năm 2018.

[3] Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền